

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Hùng Phát tại Văn bản số 06/CV-HP ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án/cơ sở Nhà máy sản xuất gạch nung Tuynel; Văn bản số 08/CV-HP ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp giấy phép môi trường Dự án/cơ sở Nhà máy sản xuất gạch nung tuynel và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 315/TTr-TNMT ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án/cơ sở: “Nhà máy sản xuất gạch nung Tuynel” của Công ty Cổ phần Hùng Phát.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hùng Phát (địa chỉ trụ sở chính: Thôn 3, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất gạch nung tuynel với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung:**

1.1. Tên Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Hùng Phát

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 3, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Khởi, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Điện thoại: 0260.2470.207

1.2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gạch nung Tuynel

- Địa điểm hoạt động: Thôn 3, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100238279 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 6100238279.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch nung Tuynel.

1.6. Phạm vi hoạt động của cơ sở: Tại thôn 3, xã Hoà Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô diện tích: 59960,9 m<sup>2</sup>.

- Quy mô hoạt động sản xuất: 10 triệu viên/năm. Bao gồm: Gạch tuynel 6 lỗ; gạch 2 lỗ; gạch đặc.

- Cơ sở có tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp số 38121000016 ngày 02 tháng 6 năm 2008, như vậy dự án phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công: Dự án thuộc nhóm C quy định tại Điều 8 của Luật đầu tư công và quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

*(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)*

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hùng Phát.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hùng Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp Giấy phép*).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty Cổ phần Hùng Phát;
- Phòng TN&MT TP;
- UBND xã Hòa Bình;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Đ/c CVP, đ/c Bình – PCVP;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Hùng**

## Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn thải số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ ủ, phối trộn nguyên liệu; làm mát thiết bị; nước lau rửa sàn; nước rửa dụng cụ, máy móc thiết bị.

#### 2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt 2,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn thải số 02: Nước thải sản xuất 02 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 3. Dòng nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng hệ thống ống dẫn nhựa PVC D100, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn tại khu vực nhà điều hành và khu vực nhà vệ sinh chung, sau đó tự chảy ra giếng thấm và thấm xuống đất tại khu vực nhà điều hành và khu vực nhà vệ sinh chung. Đối với nước thải sinh hoạt từ lavabo, lau rửa sàn nhà được dẫn ra giếng thấm và thấm xuống đất.

- Dòng thải số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình ủ, phối nguyên liệu, làm mát thiết bị tự chảy theo rãnh thoát nước mưa về các hố ga để lắng cặn, sau đó tự chảy ra hồ nước tại khu vực cơ sở.

#### 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt:

*Bảng 1.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) $C_{\max} = C_x K$ với $K=1,0$
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
6	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60
7	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) $C_{\max}=CxK$ với $K=1,0$
8	Coliform	MPN/100ml	6.000

**Ghi chú:**

*QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được ban hành theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

+ Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ K là hệ số tính tương ứng với quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư; chọn  $K=1,2$ .

- Dòng thải số 02: Nước thải sản xuất:

*Bảng 1.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	Màu		150
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Sunfua	mg/l	0,5
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
8	Coliform	MPN/100ml	5.000

**Ghi chú:**

- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

- Cột B: Giá trị C của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt.

+ Vị trí xả:

- ++ Tại khu vực nhà điều hành: X = 550956,51; Y= 1581380,95;
- ++ Tại khu vực nhà vệ sinh chung: X = 550977.76; Y= 1581507.33.
- + Phương thức xả thải: Tự thấm vào môi trường đất.
- + Chế độ xả nước thải: Liên tục 08 giờ/ngày (*trong thời gian hoạt động của cơ sở*).
- + Nguồn tiếp nhận: Môi trường đất tại khu vực nhà điều hành và khu vực nhà vệ sinh chung.
- Dòng thải số 02: Nước thải sản xuất.
- + Vị trí xả: Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- + Phương thức xả thải: Tự chảy theo rãnh thoát nước mưa.
- + Chế độ xả nước thải: 8 giờ/ngày (*trong thời gian hoạt động*).
- + Nguồn tiếp nhận: Hồ nước trong phạm vi cơ sở. Tọa độ: Điểm đầu: X= 550954,40; Y= 1581559,63; Điểm cuối: X= 550936,72; Y= 1581606,11.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### ***1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:***

a. Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Gồm có 02 hệ thống thu gom đi ngầm dưới đất: Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại nhà điều hành và hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh chung.

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, lavabo và lau rửa sàn nhà tại nhà điều hành và nhà vệ sinh chung với tổng lưu lượng lớn nhất khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Biện pháp thu gom như sau:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống nhựa PVC D100 và đưa đến bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi khu vực để xử lý; sau đó tự chảy ra giếng thấm và tự thấm xuống đất tại 02 vị trí:

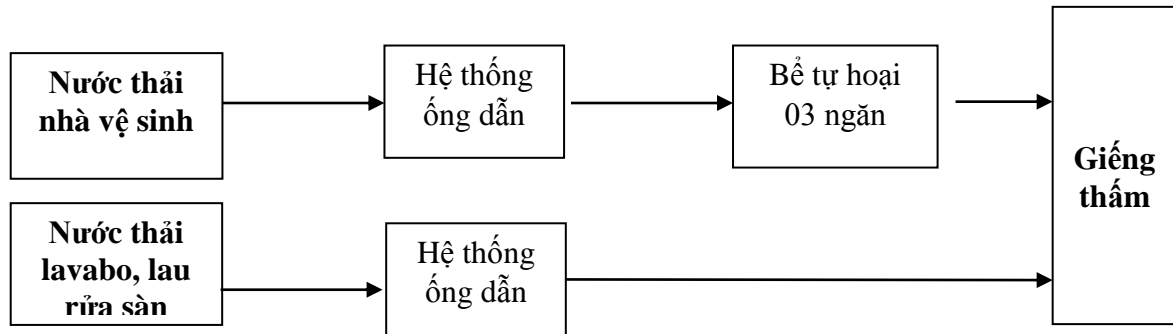
+ Vị trí 1: Tại khu vực nhà điều hành; Tọa độ: X= 550956,51; Y= 1581380,95.

+ Vị trí 2: Tại khu vực nhà vệ sinh chung; Tọa độ: X= 550977.76; Y= 1581507.33.

Bể tự hoại ở mỗi khu vực có dung tích 5 m<sup>3</sup>, cấu tạo gồm có 03 ngăn gồm: ngăn chứa; ngăn lắng và ngăn lọc.

- Nước từ lavabo và lau rửa sàn nhà được thu gom bằng ống nhựa PVC D100 dẫn ra giếng thấm và tự thấm xuống đất tại 02 vị trí: Vị trí 1 (*tại khu vực nhà điều hành*); vị trí 2 (*tại khu vực nhà vệ sinh chung*).

Hình 2.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt



**b. Hệ thống thu gom nước thải sản xuất:**

Nước thải sản xuất phát sinh từ các hoạt động ủ, trộn phối liệu, làm mát thiết bị, vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị với lưu lượng rất ít khoảng 02 m<sup>3</sup>/ngày.đêm do nước được hấp thu vào nguyên liệu và bốc hơi trong quá trình làm mát thiết bị; nước thải này không có chứa các chất độc hại chủ yếu là chất thải rắn lơ lửng với bùn đất cát lắng đọng trên bề mặt nên được thu gom theo rãnh thoát nước mưa về các hố ga để lắng cặn, sau đó dẫn ra hồ nước trong phạm vi cơ sở.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

**1.2.1. Nước thải sinh hoạt:**

**a. Nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng 02 bể tự hoại 03 ngăn (1 ngăn chứa và 2 ngăn lắng) dung tích mỗi bể 5m<sup>3</sup> đặt ngầm tại khu nhà điều hành và nhà vệ sinh chung với nguyên lý hoạt động như sau:

- Nước thải sau khi qua song chắn rác sẽ chảy vào hầm tự hoại với thời gian lưu trong ngăn lắng từ 1 - 3 ngày. Do vận tốc trong bể nhỏ nên phần lớn cặn lơ lửng được lắng lại. Phần nước thải trên ngăn lắng sẽ chảy tràn qua ngăn lên men.

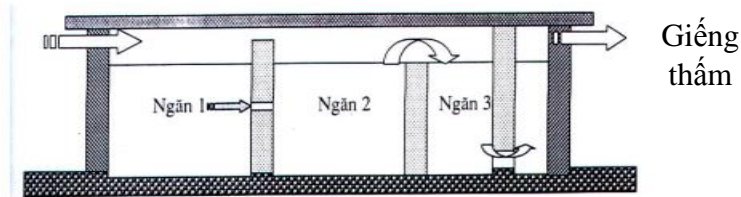
- Qua thời gian từ 3 - 6 tháng, cặn lên men yếm khí (thời gian cặn được giữ lại trong hầm tự hoại). Quá trình lên men diễn ra trong giai đoạn đầu chủ yếu là lên men axit. Khi cặn bị phân hủy, một phần nổi lên trên được gọi là màng nổi, một phần cặn bị nén đến độ ẩm 84 - 90% bị thổi rửa và ở đáy xảy ra quá trình lên men. Kết quả của quá trình này là các bọt khí nổi lên lôi kéo theo các hạt cặn và bám dính vào màng nổi làm tăng chiều dày của màng này. Ở màng nổi có cả vi khuẩn hiếu khí, chúng hấp thụ oxy, kết quả là tạo một độ yếm khí cho hầm tự hoại. Các chất khí tạo nên trong quá trình phân hủy như CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S,...sẽ thoát ra theo ống dẫn khí. Sau khi lên men, nước thải được dẫn qua ngăn lọc và được lọc ngược qua 3 lớp vật liệu lọc là sỏi – than – sỏi (hoặc cát).

- Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại đảm bảo hiệu suất lắng cao với hiệu quả xử lý theo chất rắn lơ lửng đạt 86,2%, COD đạt 77% và theo BOD<sub>5</sub> là 60 – 65% đạt cột B- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

nước thải sinh hoạt, sau đó được ra giếng thấm bằng ống PVC D100 và tự thấm xuống đất.

- Bùn trong bể tự hoại sẽ thuê đơn vị có chức năng hút khi hầm bể tự hoại đầy.

Nước thải  
sinh hoạt từ  
bồn cầu,  
lavabo



Hình 2.2. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại bể tự hoại

#### b. Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất không có chứa chất độc hại với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng với bùn đất cát có đặc tính như nước mưa chảy tràn nên được dẫn theo rãnh thoát mưa nội bộ và tự chảy dẫn về các hố ga trong khuôn viên công trình nhà máy để lắng cặn; sau đó theo rãnh thoát nước mưa nội bộ tự chảy ra mương thoát nước chảy vào hồ nước trong phạm vi cơ sở. Hồ nước này thuộc diện tích của Chủ cơ sở, xung quanh hồ được bồi đắp bờ cao không cho nước tràn ra ngoài, xung quanh hồ trồng cỏ và một số cây xanh nhằm giữ đất, tránh bồi lấp, sạt lở.

Nhằm đảm bảo khả năng thoát nước thải sản xuất, cũng như nước mưa, định kỳ 01 năm/lần, Công ty thực hiện nạo vét bùn đất cát tại rãnh thoát nước và hố ga. Bùn đất cát nạo vét là chất thải rắn thông thường được sử dụng để bồi lấp các vùng trũng trong khu vực cơ sở.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

#### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.



## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải : Hoạt động của lò sấy nung.
2. Lưu lượng xả tối đa: 5788m<sup>3</sup>/giờ.
3. Dòng khí thải: Bụi và khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải lò sấy nung theo ống khói thoát ra môi trường ngoài.
4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 2.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép cột B-QCVN 19:2009/BTNMT
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850

#### Ghi chú:

- QCVN 19: 2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ được ban hành theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16/01/2007.

#### 5. Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải ra môi trường: Tại đầu ra ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy nung.

+ Tọa độ: Ống khói 1. X= 550856,59; Y= 1581492,77; Ống khói 2. X= 550854,28; Y= 1581479,97.

- Phương thức xả thải: Xả vào môi trường không khí qua ống khói.

- Chế độ xả: 08 giờ/ngày (trong thời gian hoạt động).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

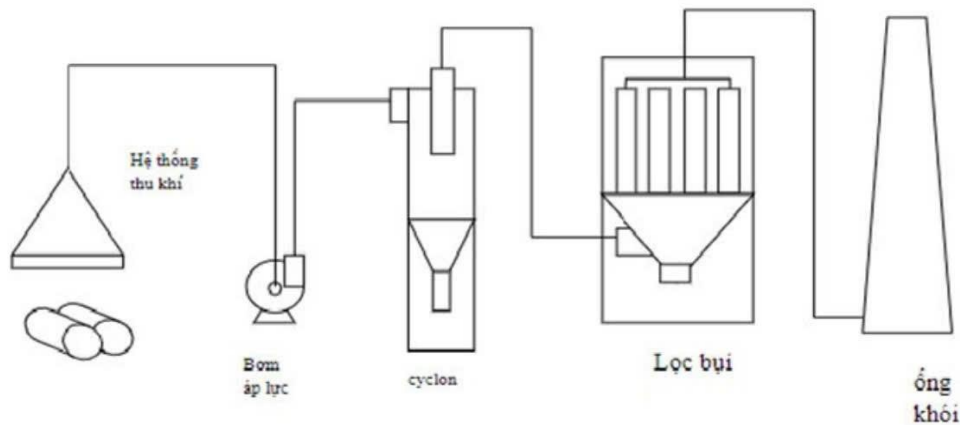
1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ lò sấy nung gồm các thiết bị xử lý và ống khói bằng thép.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Chức năng của hệ thống: Xử lý bụi và khí thải phát sinh từ lò sấy nung.
- Công suất xử lý: 6000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Quy mô công trình: Hệ thống gồm có ống dẫn khí thải bằng thép; 01 bơm áp lực; 01 cyclon; 01 thiết bị lọc bụi; 01 quạt hút và ống khói bằng thép có đường kính trung bình 2,5m, chiều cao 15m.

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải của cơ sở như sau:



Hình 2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò sấy nung

- Quy trình vận hành:

Khí thải sinh ra từ quá trình nung gạch được thu gom bằng hệ thống chụp hút, tạo áp suất âm để thu hồi khí thải để đưa đến thiết bị xử lý. Thiết bị xử lý ở đây là thiết bị lọc bụi cyclon kiểu ướn.

Dòng khí đi qua thiết bị lọc bụi cyclon kiểu ướn sẽ được thực hiện theo nguyên lý: Nước được phun tia từ trên xuống dưới và dòng khí được dẫn ngược chiều từ dưới lên trên, bụi có kích thước lớn trong dòng khí bị nước giữ lại và đưa ra ngoài dưới dạng cặn bùn, cặn bùn này có thành phần đơn giản, được định kỳ thu gom xử lý.

Dòng khí tiếp tục đi qua thiết bị lọc bụi sẽ được thực hiện theo nguyên lý: Không khí lẫn bụi đi qua tấm lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các tấm lọc sẽ giữ lại trên bề mặt tấm lọc theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt tấm lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được tất cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Sau một khoảng thời gian, lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng quá lớn, ta phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt tấm lọc. Lớp bụi sau khi loại bỏ được thu gom tận dụng làm nguyên liệu đốt ở lò nung. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc.

Khí thải sau khi xử lý đạt cột B- QCVN 19:2009/BTNMT được quạt hút

đưa vào ống khói thoát ra môi trường ngoài. Nhiệt độ của khí thải khi ra khỏi lò sấy chỉ còn 40-50°C không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

- *Chế độ vận hành:* 08 giờ/ngày, trong thời gian hoạt động.

- *Quy chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

\* Ngoài ra, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các hoạt động khác như:

- *Bụi phát sinh từ các khâu sản xuất:*

+ Sử dụng nước tạo ẩm bằng hình thức phun sương để giảm lượng bụi khô phát tán vào không khí;

+ Quét dọn thường xuyên khu vực xưởng sản xuất của Nhà máy;

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân làm việc nhằm tạo môi trường sản xuất an toàn.

- *Bụi từ khu vực bãi chứa nguyên liệu và thành phẩm:*

Để giảm thiểu bụi tại khu vực này, nhà máy sử dụng nước tạo ẩm để giảm lượng bụi khô phát tán vào không khí trong những ngày nắng to, gió nhiều,... Ngoài ra, nhà máy cũng áp dụng chế độ quản lý, sử dụng kho bãi khoa học sao cho ít gây ô nhiễm nhất đến các khu vực xung quanh:

+ Nguyên liệu được lưu trữ trong khu vực quy định của nhà máy, có mái che để đảm bảo các đặc tính tối ưu của nguyên liệu.

+ Gạch thành phẩm lưu trữ ngoài trời được che chắn cẩn thận

- Hằng năm tiếp tục thực hiện trồng thêm cây xanh trong khuôn viên cơ sở hợp phần bảo vệ môi trường cảnh quan cho khu vực.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện ra sự cố;

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như quạt hút, đường ống, van, bơm,...;

- Đào tạo kiến thức cho nhân viên phụ trách;

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN****1. Nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất.
- Nguồn số 02: Các phương tiện vận tải vận chuyển ra vào cơ sở.

**2. Vị trí phát sinh:** Tại khu vực cơ sở tại thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn:

<b>T</b>	<b>Khu vực</b>	<b>QCVN 26:2010/BNTMT</b>
	Khu vực thông thường (Từ 6 giờ đến 21 giờ)	70 dBA

**Ghi chú:** QCVN 26:2010/BNTMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung:

<b>T</b>	<b>Khu vực</b>	<b>QCVN 27:2010/BNTMT</b>
	Khu vực thông thường (Từ 6 giờ đến 21 giờ)	70 dB

**Ghi chú:** QCVN 27:2010/BNTMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Sắp xếp thời gian là việc hợp lý để giảm thiểu mức độ ồn vì các máy móc cùng làm việc sẽ tạo ra mức ồn tổng cộng lớn hơn so với từng máy móc, thiết bị. Không hoạt động vào giờ ăn và giờ nghỉ của công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi ra vào nhà máy.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết máy và thường xuyên bôi trơn máy móc thiết bị, tránh tình trạng máy móc thiếu nhớt, khô nhớt khi hoạt động sẽ gây ra tiếng ồn lớn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, cung cấp nút bịt tai cho công nhân làm việc tại những nơi có mức ồn cao.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí cuối hướng gió, phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải của xe, che đậy cẩn thận, hạn chế rơi vãi dọc

đường, thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

## Phụ lục 4

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 12 kg /năm.

- Chủng loại: Các loại động cơ thải; giẻ lau nhiễm dầu; bao bì nhựa cứng chứa chất thải nguy hại; Các loại khác.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 29 kg/ngày.

- Chủng loại: Nguyên liệu rơi vãi, các mẫu gạch thừa và sản phẩm mộc không đạt; Tro xỉ tại lò sấy nung; Bùn cặn tại hố ga; Các loại liên quan khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 08 kg/ngày.

- Chủng loại: Rác hữu cơ dễ phân hủy (*như rác thực phẩm, cỏ và lá cây, khăn giấy, giấy vệ sinh,...*) và các loại liên quan khác.

#### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

##### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa có dán nhãn phân loại từng thùng chứa, bên ngoài kho có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Số lượng: 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Vị trí và diện tích: Nằm tại tọa độ: X= 550833,87; Y= 1581487,07 với diện tích: 15 m<sup>2</sup>.

- Kết cấu công trình: Xung quanh được xây bằng gạch trát vữa xi măng M150 và ốp tôn, mái lợp tôn.

##### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Lượng nguyên liệu rơi vãi, các mẫu gạch thừa và sản phẩm mộc không

đạt được thu gom tại bãi chứa đất sét để tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

- Lượng tro xỉ tại lò sấy nung với khối lượng phát sinh rất ít khoảng 20kg/ngày có mã chất thải 04 02 06 là chất thải rắn thông thường được thu gom vào thùng phuy bố trí trong kho chất thải rắn. Công ty cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm vật liệu cách nhiệt, vật liệu thấm trong các công trình thoát nước, xử lý nước.

- Bùn cặn tại hồ ga với khối lượng 9 kg/ngày có thành phần chủ yếu là bùn than có mã chất thải 04 02 08 là chất thải rắn thông thường được thu gom về bãi chứa đất sét để tận dụng làm nguyên liệu sản xuất.

#### 2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt;

- Kho chất thải rắn có diện tích 10 m<sup>2</sup>, bên trong có các thùng phuy đựng rác thải được phân loại, cụ thể:

- Rác hữu cơ dễ phân hủy (*như rác thực phẩm, cỏ và lá cây, khăn giấy, giấy vệ sinh,...*) được thu gom vào thùng rác đặt trong kho chất thải rắn, cuối giờ chiều hằng ngày có công nhân thu gom ra thùng rác của Công ty môi trường đô thị Kon Tum thu gom, xử lý.

- Các chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng thì lưu trữ tại kho chất thải rắn để bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Lá cây được quét dọn, thu gom, đốt trong khuôn viên cơ sở.

- Ngoài ra, cơ sở thường xuyên giáo dục công nhân ý thức bảo vệ môi trường, không xả rác bừa bãi, tránh đến mức thấp nhất lượng rác thải phát sinh.

- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom rác thải sinh hoạt.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động, giao thông;
  - Thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy;
  - Thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải;
  - Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải;
  - Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm nhiệt.
-